

Bản án số: 198/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2018.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Nhung

2/ Ông Bùi Quang Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phùng Ngọc T, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Phường A, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyen Phi L, sinh năm 1988.
Quốc tịch: Hoa Kỳ.
Địa chỉ: CA 92840, USA.

(Đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2016, bản tự khai ngày 09 tháng 3 năm 2017 của nguyên đơn bà Phùng Ngọc T trình bày:

Bà và ông Nguyen Phi L tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 57/2013, quyền số 02/2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 18/3/2013. Sau khi đăng ký kết hôn, ông Timmy trở về Mỹ làm thủ tục bảo lãnh cho bà. Trong thời gian chờ đợi giữa bà và ông Nguyen Phi L đã nảy sinh mâu thuẫn do việc mở bảo lãnh cho bà sang Hoa Kỳ sinh sống gặp trục trặc nên vợ chồng bà thường xuyên

tranh cãi và ông Nguyen Phi L không còn liên lạc với bà. Bà đã cố gắng liên lạc với ông Nguyen Phi L nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với ông Nguyen Phi L để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Phùng Ngọc T khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Phùng Ngọc T khai không có.

Ngày 26/7/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 236/UTTPDS-TA30 để thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo vụ án được đưa ra hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 02 tháng 3 năm 2018; lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 27 tháng 3 năm 2018 và xét xử lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2018; lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 24 tháng 5 năm 2018 cho ông Nguyen Phi L.

Tại văn bản trình bày ý kiến của ông Nguyen Phi L đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 04/01/2018 ông Nguyen Phi L trình bày: Ông và bà Phùng Ngọc T tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 57/2013, quyền số 02/2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 18/3/2013. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng rất hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng xa cách nhau, vợ chồng thường xuyên tranh cãi làm rạn nứt tình cảm của vợ chồng và đã lâu không còn liên lạc với nhau. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà Phùng Ngọc T để mỗi người có điều kiện ổn định cuộc sống riêng của mình.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 02/02/2018, bà Phùng Ngọc T có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án.

Tại văn bản trình bày ý kiến của ông Nguyen Phi L đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 04/01/2018 ông Nguyen Phi L trình bày: Hiện nay ông đang ở Hoa Kỳ, điều kiện đi lại khó khăn, ông không thể về Việt Nam theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp hòa giải và xét xử của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm” tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét bà Phùng Ngọc T và ông Nguyen Phi L đều có đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Nguyen Phi L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Nguyen Phi L đang cư ngụ hợp pháp tại Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Phùng Ngọc T nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 57/2013, quyển số 02/2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 18/3/2013 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phùng Ngọc T và ông Nguyen Phi L là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của bà T, ông Nguyen Phi L cùng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi và không còn liên lạc với nhau, ông Nguyen Phi L sinh sống ở Hoa Kỳ còn bà T thì sống ở Việt Nam, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay bà Phùng Ngọc T và ông Nguyen Phi L mỗi người sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Phùng Ngọc T ly hôn ông Nguyen Phi L là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[4] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Bà Phùng Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Phùng Ngọc T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bà T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Ngọc T.

Quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Ngọc T được ly hôn với ông Nguyen Phi L.

Giấy đăng ký kết hôn số 57/2013, quyển số 02/2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 18/3/2013 không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2/ Án phí, chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Nguyên đơn bà Phùng Ngọc Trăm phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0031940 ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Phùng Ngọc T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, bà T đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Phùng Ngọc T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Nguyen Phi L thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Việt

Lê Thị Nhanh

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 07 tháng 7 năm 2017

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông
2/ Bà

Tiếp nhận vụ án dân sự thụ lý số 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Ngọc, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 25 đường số 3C, Khu phố 7, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Đào Ngọc Bích Thi, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Riihimäckiveien 43, 2013 SkJetten, Na Uy.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Biểu quyết : 3/3 các vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; 53, 54, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 86, Điều 122, 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Ngọc.

Quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đức Ngọc được ly hôn với bà Đào Ngọc Bích Thi.

Giấy chứng nhận kết hôn số 132 do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2016 không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức Ngọc phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034471 ngày 19/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Nguyễn Đức Ngọc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Đào Ngọc Bích Thi thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 8 giờ 40 phút ngày 07 tháng 7 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

